

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp thuộc
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 8065/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ quản lý nhà nước thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, có chức năng tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến nông, khai thác nước sạch nông thôn, công trình thủy lợi trên địa bàn cấp tỉnh và hướng dẫn, điều phối, đôn đốc, kiểm tra, hỗ trợ cấp xã thực hiện công tác khuyến nông theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản theo quy định.

3. Kinh phí hoạt động của Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Về khuyến nông và dịch vụ nông nghiệp

a) Đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông.

b) Xây dựng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

c) Hướng dẫn, điều phối, đôn đốc, hỗ trợ công tác khuyến nông xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

d) Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, thông tin tuyên truyền, diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, tham quan học tập nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, nông dân, người sản xuất.

đ) Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiên bộ kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với từng địa phương và định hướng phát triển của Ngành; chuyển giao tiên bộ kỹ thuật, công nghệ từ các mô hình, điển hình sản xuất ra diện rộng; hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu đạt chuẩn.

e) Tổ chức thực hiện và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về khuyến nông theo quy định của pháp luật.

g) Tư vấn, dịch vụ, hợp tác quốc tế, hợp tác công tư trong hoạt động khuyến nông theo quy định của pháp luật.

h) Phối hợp thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông trên địa bàn toàn tỉnh.

i) Tham gia công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phòng, chống và khắc phục hậu quả sau thiên tai, dịch bệnh và thực hiện các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ môi trường tại địa phương.

k) Sản xuất, kinh doanh, liên doanh, liên kết, cho thuê theo quy định của pháp luật.

l) Công tác giống: Thu thập, bình tuyển, lưu trữ, bảo tồn, khai thác giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản. Tổ chức thực nghiệm, thử nghiệm giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản.

2. Về nước sạch nông thôn

a) Xây dựng, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường kế hoạch công tác năm và trung hạn, kế hoạch đầu tư xây dựng; chương trình, dự án về nước sạch nông thôn; chương trình, dự án thành phần về nước sạch nông thôn. Tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thực hiện phân tích, xét nghiệm, kiểm nghiệm; kiểm định (theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước) về chất lượng nước theo quy định pháp luật.

c) Quản lý, bảo vệ, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao; tổ chức thi công xây lắp, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn phù hợp với năng lực của Trung tâm theo quy định pháp luật.

d) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư chương trình, dự án nước sạch nông thôn được cấp có thẩm quyền giao theo quy định pháp luật. Tham gia thực hiện dự án về nước sạch nông thôn theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

đ) Thực hiện hợp tác quốc tế, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ về nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật.

e) Tư vấn, dịch vụ; liên doanh, liên kết cung ứng dịch vụ công; xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, vật tư, sản phẩm, công nghệ về nước sạch nông thôn phù hợp với năng lực chuyên môn, lĩnh vực hoạt động của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

3. Về khai thác công trình thủy lợi

a) Thực hiện duy tu, sửa chữa, nâng cấp, bảo dưỡng các công trình thủy lợi thuộc phạm vi được giao.

b) Quản lý, khai thác, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý và công trình thủy lợi thuộc cấp xã quản lý theo phân cấp.

c) Phối hợp đơn vị quản lý nhà nước, lập và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và dài hạn công trình thủy lợi; lập kế hoạch tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp từng vụ, cả năm và kế hoạch trung, dài hạn trình cấp thẩm quyền xét duyệt; định kỳ hàng năm lập kế hoạch thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi, kè; khơi thông dòng chảy kênh tạo nguồn, tháo dỡ các vật cản trên kênh và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Phối hợp đơn vị quản lý nhà nước lập kế hoạch và tổ chức thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Bảo vệ công trình thủy lợi, phối hợp với chính quyền địa phương xử lý, ngăn chặn các trường hợp lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đào ao, khai thác đất lòng kênh trái phép; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo, kiến nghị các ngành chức năng xử lý.

e) Theo dõi, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định.

g) Phối hợp với chính quyền địa phương thẩm định cấp giấy phép, gia hạn cấp phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi cho tổ chức, cá nhân.

h) Xây dựng, điều chỉnh giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá

sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh; các định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Thủy lợi và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quản lý công trình thủy lợi.

k) Cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; thu tiền từ sản phẩm dịch vụ thủy lợi; ký kết, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; xây dựng mô hình tổ chức hợp lý để quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các nguồn lực được giao; báo cáo định kỳ đánh giá hiệu quả quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực công trình thủy lợi.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn khác

a) Quản lý về tổ chức, biên chế, tài chính, tài sản được giao theo phân cấp thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

b) Tổng kết, đánh giá, khen thưởng: Tổng kết, đánh giá hoạt động khuyến nông, nước sạch nông thôn; đề xuất với cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động khuyến nông, nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật.

c) Quản lý nguồn vốn đầu tư bảo trì, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa công trình cấp nước được cơ quan cấp trên giao; tổ chức thực hiện đầu tư bảo trì, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa công trình cấp nước.

d) Kiến nghị cấp có thẩm quyền, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn công trình nước sạch nông thôn trong trường hợp công trình bị xâm hại hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; giải quyết tranh chấp về hợp đồng sử dụng nước.

đ) Được từ chối tiếp nhận những công trình xây dựng mới hoặc nâng cấp sửa chữa xét thấy không đảm bảo chất lượng kỹ thuật hoặc không hoàn thiện theo đồ án thiết kế làm giảm hoặc không phát huy được hiệu quả trong quản lý, khai thác.

e) Thực hiện sản xuất, kinh doanh nước sạch nông thôn, phục vụ cấp nước vùng biên giới, vùng khó khăn. Được phép thu phí sử dụng nước sinh hoạt nông thôn của khách hàng sử dụng nước từ các Trạm cấp nước do Trung tâm quản lý, khai thác.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp gồm có Giám đốc và các Phó Giám đốc.

2. Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp.

- b) Phòng Khuyến nông.
- c) Phòng Dịch vụ nông nghiệp.
- d) Phòng Nước sạch nông thôn.
- đ) Phòng Quản lý khai thác công trình thủy lợi.

3. Các Trại thực nghiệm và Dịch vụ nông nghiệp gồm:

- a) Trại Thực nghiệm và Dịch vụ nông nghiệp Hòa Hưng.
- b) Trại Thực nghiệm và Dịch vụ nông nghiệp Vĩnh Hựu.
- c) Trại Thực nghiệm và Dịch vụ nông nghiệp Phú Tân.

4. Các Trạm cấp nước sạch nông thôn.

5. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp Cai Lậy.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2026.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo và ĐPTTH tỉnh;
- UBND xã, phường;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, TH, T.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thành Ngại